

NGHỊ QUYẾT

**Về chính sách xã hội hóa, khuyến khích công tác đầu tư và quản lý,
khai thác công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung
giai đoạn 2017 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, dạy nghề, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 37/2014/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2014 của liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Tài chính - Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn;

Xét Tờ trình số 7147/TTr-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết về chính sách xã hội hóa, khuyến khích công tác đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung giai đoạn 2017 - 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua chính sách xã hội hóa, khuyến khích công tác đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung giai đoạn 2017 - 2020, cụ thể như sau:

I. Phạm vi, đối tượng:

1. Phạm vi: Đề án thực hiện một số cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung, phục vụ sinh hoạt và các mục đích khác của cộng đồng dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, bao gồm:

- Dự án đầu tư xây dựng mới.

- Dự án đầu tư sửa chữa, nâng cấp mở rộng công suất cấp nước.
- Dự án đầu tư mở rộng phạm vi cấp nước.
- Các công trình cần thay đổi, xã hội hóa công tác quản lý vận hành.

2. Đối tượng: Doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, hợp tác xã, tổ hợp tác, tư nhân (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) thực hiện toàn bộ hoặc một số công đoạn trong các hoạt động đầu tư xây dựng, chuyển giao công nghệ, quản lý khai thác, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ về cấp nước sạch phục vụ người dân nông thôn trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

II. Điều kiện, cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn:

1. Điều kiện hỗ trợ:

a) Đối với các dự án đầu tư mới, dự án sửa chữa nâng cấp mở rộng công suất, mở rộng phạm vi cấp nước (sau đây gọi tắt là dự án đầu tư) phải được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư.

b) Nhà đầu tư phải có phương án tổ chức sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ; có năng lực tài chính, năng lực quản lý khai thác và cam kết cung cấp dịch vụ nước sạch phục vụ người dân nông thôn trên địa bàn tỉnh theo dự án được UBND tỉnh chấp thuận đầu tư. Việc đầu tư xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn thực hiện theo Luật Đầu tư và các quy định khác có liên quan.

c) Các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt; kiểm đếm đầu ra phải thực hiện bằng việc mắc đồng hồ nước đến từng hộ dân để nâng cao trách nhiệm, ý thức sử dụng nước tiết kiệm của người dân.

2. Cơ chế, chính sách ưu đãi khuyến khích đầu tư xây dựng công trình:

a) Hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn: Các nhà đầu tư được hưởng mức hỗ trợ để đầu tư xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn từ nguồn vốn ngân sách nhà nước theo tổng dự toán của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (thực hiện theo Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ), cụ thể:

- Hỗ trợ không quá 90% tổng dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các xã đặc biệt khó khăn, các xã thuộc huyện nghèo Đam Rông.

- Hỗ trợ không quá 75% tổng dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các huyện còn lại.

- Hỗ trợ không quá 45% tổng dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc.

Phần vốn hỗ trợ này do nhà đầu tư ứng trước và được nhà nước tính toán, chi trả vào đơn giá nước trong quá trình khai thác công trình, thời gian chi trả do UBND tỉnh quy định cho từng công trình nhưng không quá 25 năm.

b) Hỗ trợ giá nước sinh hoạt nông thôn: Trường hợp giá tiêu thụ nước sinh hoạt nông thôn do UBND tỉnh ban hành thấp hơn phương án giá nước sinh hoạt nông thôn do các nhà đầu tư lập đã được Sở Tài chính thẩm định theo các

nguyên tắc tính đúng, tính đủ thì hàng năm nhà đầu tư được cấp bù từ ngân sách nhà nước, cụ thể như sau:

- Mức hỗ trợ giá nước sinh hoạt nông thôn, bao gồm:

- + Phần chênh lệch giữa giá bán nước sinh hoạt do cấp có thẩm quyền ban hành thấp hơn phương án giá nước sạch được tính đúng tính đủ (theo quy định tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của liên bộ Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn).

- + Giá trị nhà nước hỗ trợ để đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sạch nông thôn (theo Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ).

c) Hỗ trợ huy động vốn: Các nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung được huy động vốn để đầu tư, cụ thể:

- Được vay vốn tín dụng ưu đãi ngân hàng, vay vốn tín dụng từ quỹ đầu tư phát triển địa phương trên cơ sở quy định tại Khoản 1, Điều 7 Thông tư Liên tịch số 37/2014/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 31/10/2014 của liên Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư.

- Được ưu tiên vay lại từ nguồn vốn của các tổ chức Quốc tế cho Chính phủ Việt Nam vay ưu đãi.

- Được nhận vốn tài trợ không hoàn lại của tổ chức Quốc tế (nếu có).

- Được phép huy động vốn dưới dạng góp cổ phần đối với Công ty cổ phần, góp vốn từ người lao động trong đơn vị, cộng đồng; huy động các nguồn vốn hợp pháp khác thông qua hợp tác, liên doanh liên kết với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức tài chính, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Nhà đầu tư có trách nhiệm quản lý chặt chẽ nguồn vốn, đầu tư hiệu quả, thực hiện đúng cam kết đã thỏa thuận khi huy động vốn.

d) Ngoài các khoản hỗ trợ nêu trên, các nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung được hưởng các chính sách: hỗ trợ tạo nguồn nước, chính sách miễn, giảm tiền thuê đất; chính sách ưu đãi về thuế thu nhập theo quy định của pháp luật.

3. Cơ chế khuyến khích quản lý, khai thác công trình:

Các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện và được giao quản lý và khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung thuộc danh mục công trình được UBND tỉnh phê duyệt (thông qua chỉ định thầu; đấu thầu; giao quản lý, khai thác) được hỗ trợ giá nước sinh hoạt nông thôn tương tự điểm b, khoản 2, mục III nêu trên

(không tính giá trị nhà nước hỗ trợ để đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sạch nông thôn).

III. Nhu cầu vốn:

1. Tổng nhu cầu nguồn vốn: 1.163,45 tỷ đồng, bao gồm:

- Vốn ngân sách nhà nước: 827,303 tỷ đồng, chiếm 71%.
- Vốn đối ứng của các tổ chức, cá nhân: 336,147 tỷ đồng, chiếm 29%.

2. Nhu cầu vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2017-2020:

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình: 33 tỷ đồng/năm, tương đương 132 tỷ đồng cho giai đoạn 2017 - 2020 (tính khấu hao công trình tối đa là 25 năm).
- Hỗ trợ công tác quản lý khai thác công trình: tối đa không quá 06 tỷ đồng/năm.

Nhu cầu vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước khoảng 39 tỷ đồng/năm.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định hiện hành để ban hành Quyết định phê duyệt Đề án và hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện.

Trong quá trình thực hiện Nghị quyết có những vấn đề phát sinh cần được xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung biện pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm báo cáo với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất để tổ chức thực hiện và báo cáo với Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng Khoá IX, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2016. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TTTU, UBND tỉnh, UBND TP. HCM;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- Đại biểu HĐND tỉnh khoá IX;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trang TTĐT HĐND tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Lâm Đồng;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.



CHỦ TỊCH

Trần Đức Quận